

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *HGT/H*/UBND-TC

Quận 12, ngày *4* tháng *7* năm 2018

Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán
thu chi ngân sách ước 6 tháng năm 2018

Kính gửi:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Đoàn thể quận;
- Các phòng, ban ngành quận;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập quận;
- Ủy ban nhân dân 11 phường.

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách, Ủy ban nhân dân quận tiến hành công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách quận ước 6 tháng năm 2018 theo các biểu đính kèm.

Kính gửi các đơn vị được biết. *./.*

Nơi nhận

- Như trên;
- Phòng QHPX - Sở Tài chính;
- UBND/Q (CT, các PCT);
- VP.HĐND và UBND/Q (Website);
- Lưu (VT, Tm).



Lê Trương Hải Hiếu

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH QUẬN ƯỚC 6 THÁNG NĂM 2018

(Kèm theo Công văn số 4934/UBND-TC ngày 04 / 7 /2018 của UBND quận)

ĐVT: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	2.684.600.000.000	1.369.150.000.000	51,00%	105,85%
I	Thu cân đối NSNN	2.684.600.000.000	1.369.150.000.000	51,00%	105,85%
1	Thu nội địa	2.684.600.000.000	1.369.150.000.000	51,00%	105,85%
2	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
III	Ghi thu				
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH QUẬN	1.247.585.000.000	499.432.000.000	40,03%	129,59%
I	Tổng chi cân đối ngân sách quận	1.247.585.000.000	499.432.000.000	40,03%	129,59%
1	Chi đầu tư phát triển	270.083.000.000	71.902.000.000	26,62%	90,49%
2	Chi thường xuyên	951.229.000.000	427.530.000.000	44,95%	139,75%
3	Dự phòng ngân sách	26.273.000.000			
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh				
III	Ghi chi				

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ƯỚC 6 THÁNG NĂM 2018

(Kế hoạch Công tác số 494/UBND-TC ngày 04 / 7 /2018 của UBND quận)



ĐVT: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	2.684.600.000.000	1.369.150.000.000	51,00%	105,85%
I	Thu nội địa	2.684.600.000.000	1.369.150.000.000	51,00%	105,85%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	950.000.000.000	455.849.000.000	47,98%	121,30%
4	Thuế thu nhập cá nhân	310.000.000.000	170.836.000.000	55,11%	132,42%
5	Thuế bảo vệ môi trường		73.000.000		847,65%
6	Lệ phí trước bạ	330.000.000.000	168.531.000.000	51,07%	123,19%
7	Lệ phí môn bài	29.499.000.000	31.601.000.000	107,13%	111,10%
8	Thu phí, lệ phí	60.501.000.000	19.876.000.000	32,85%	95,96%
9	Các khoản thu về nhà, đất	942.800.000.000	496.597.000.000	52,67%	86,47%
-	Thuế nhà đất				0,00%
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	11.800.000.000	8.739.000.000	74,06%	561,81%
-	Thu tiền sử dụng đất	867.000.000.000	443.266.000.000	51,13%	83,67%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	64.000.000.000	44.592.000.000	69,68%	103,82%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
10	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
11	Thu khác ngân sách	61.800.000.000	25.787.000.000	41,73%	90,87%
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác				
13	Thu hưởng thêm				
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH QUẬN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	270.175.000.000	163.708.000.000	60,59%	113,07%
1	Từ các khoản thu phân chia	170.496.000.000	78.030.000.000	45,77%	116,89%
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	99.679.000.000	85.678.000.000	85,95%	109,80%

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH QUẬN ƯỚC 6 THÁNG NĂM 2018
(Kèm theo Công văn số 4914/UBND-TC ngày 04 / 7 /2018 của UBND quận)

ĐVT: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH QUẬN	1.247.585.000.000	499.432.000.000	40,03%	129,59%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH QUẬN	1.247.585.000.000	499.432.000.000	40,03%	129,59%
I	Chi đầu tư phát triển	270.083.000.000	71.902.000.000	26,62%	90,49%
1	Chi đầu tư cho các dự án	270.083.000.000	67.687.000.000	25,06%	86,69%
2	Chi đầu tư phát triển khác		4.215.000.000		304,83%
II	Chi thường xuyên	951.229.000.000	427.530.000.000	44,95%	139,75%
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	478.363.000.000	199.981.000.000	41,81%	135,37%
2	Chi khoa học và công nghệ				
3	Chi y tế, dân số và gia đình	80.430.000.000	12.718.000.000	15,81%	93,76%
4	Chi văn hóa thông tin	4.905.000.000	2.683.000.000	54,70%	74,51%
5	Chi phát thanh, truyền hình				
6	Chi thể dục thể thao	1.962.000.000	1.095.000.000	55,81%	105,51%
7	Chi bảo vệ môi trường	72.855.000.000	42.828.000.000	58,79%	1090,65%
8	Chi hoạt động kinh tế	54.699.000.000	14.704.000.000	26,88%	251,16%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	150.045.000.000	77.098.000.000	51,38%	110,86%
10	Chi bảo đảm xã hội	58.984.000.000	44.949.000.000	76,21%	121,45%
III	Dự phòng ngân sách	26.273.000.000			
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	0	0		
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên				